TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 124/2023/DS -ST
Ngày: 19 tháng 5 năm 2023
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Duy Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Năm.
2. Bà Võ Thị Lệ.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2023/QĐST- DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H (tên gọi khác N)**,** sinh năm 1983 (Có mặt);

Địa chỉ (HKTT): ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh AG.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã T, huyện GCĐ, TG.

2. Bị đơn: Chị Đoàn Thị Lệ H1, sinh năm 1988 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện GCĐ, TG.

3. Người làm chứng: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1947 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện GCĐ, TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày*:

- Do có mối quan hệ quen biết với cha chồng của chị H1 là ông Phạm Văn H, nên ông H có hỏi chị mượn tiền cho chị H1 và sau đó chị H1 có nhiều lần đến gặp

chị để hỏi mượn tiền. Đến ngày 20/7/2020 (AL), chị có đến Ngân hàng Agribank ở Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang rút số tiền 100.000.000 đồng và khoảng 19 giờ cùng ngày chị có gặp chị H1 tại nhà ông H ấp 7, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cho chị H1 mượn số tiền này. Khi giao tiền, chị giao trực tiếp cho chị H1 và tại thời điểm đó có chị, ông H và chị H1. Khi đó, chị H1 có viết giấy mượn nợ với nội dung do chị H1 viết và ký tên xác nhận, chị chỉ ký tên N. Chị H1 có nói là mượn đỡ vài tháng sẽ trả lại chị, khi nào chị cần thì báo trước cho chị H1 một tháng, các bên không có thỏa thuận tiền lãi và chị H1 có nói là mỗi ngày sẽ cho con chị 200.000 đồng để ăn bánh, nên chị có nói là để mỗi tháng lấy 6.000.000 đồng. Sau đó, chị H1 có gửi ông H đưa cho chị được hai tháng tiền lãi với số tiền là 12.000.000 đồng và hai bên cũng không làm biên nhận về việc này. Tuy nhiên, chị H1 không trả cho chị tiền vốn và tiền lãi theo thỏa thuận nên khoảng 04 - 05 tháng sau khi mượn tiền, chị có nhiều lần đến gặp chị H1 để yêu cầu chị trả tiền nhưng chị H1 nói là để giải quyết xong việc ly hôn với chồng và bán được đất sẽ trả, nhưng sau đó chị H1 vẫn không trả tiền nên chị đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa. Nay chị yêu cầu giải quyết buộc chị H1 trả cho chị số tiền vốn vay còn nợ là 100.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1.66%/tháng, tính từ ngày 20/10/2020 đến 20/8/2022 là 36.520.000 đồng, tổng cộng là 136.520.000 đồng, làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết bị đơn chị Đoàn Thị Lệ H1 trình bày:* Chị không có mượn tiền của chị H, chị cũng không có quen biết gì với chị H. Việc chị H kiện chị là không đúng vì vậy chị không đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của chị H.

** Tại biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa ông Phạm Văn H trình bày:* Ông có hỏi chị H cho chị H1 mượn số tiền 100.000.000 đồng và ngày 20/7/2020 (AL) ông có chứng kiến việc chị H cho chị H1 mượn 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông không rõ các bên thỏa thuận như thế nào? Chị H1 có viết biên nhận nợ cho chị H và sau đó, chị H1 có đưa cho ông 02 tháng tiền đóng lãi với số tiền 12.000.000 đồng để đưa cho chị H. Ông có nghe chị H nói là chị H1 không trả nợ, dù chị H đã nhiều lần yêu cầu trả nợ. Ngoài ra, ông không biết gì khác.

Tại phiên tòa:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày*: Chị xin thay đổi yêu cầu khởi kiện so với yêu cầu trước đây. Nay tại phiên tòa, chị yêu cầu chị H1 trả lại số tiền vay còn nợ là 88.000.000 đồng do chị đã trừ số tiền lãi mà chị H1 đóng là 12.000.000 đồng vào số tiền vay 100.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay còn nợ, chị yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn chị Đoàn Thị Lệ H1 trình bày:* Chị thừa nhận có nợ chị H số tiền 100.000.000 đồng, có thỏa thuận như chị H đã trình bày và chị đã đóng lãi cho chị H được 12.000.000 đồng. Nay chị H yêu cầu trả số tiền vay còn nợ là 88.000.000 đồng chị đồng ý. Tuy nhiên, hiện nay do hoàn cảnh khó khăn chị xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, buộc chị Đoàn Thị Lệ H1 có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 88.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu chị Đoàn Thị Lệ H1 có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Bị đơn chị Đoàn Thị Lệ H1 cư trú trên địa bàn huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H xin thay đổi thay đổi yêu cầu khởi kiện so với trước đây. Chị yêu cầu chị H1 trả lại số tiền vay còn nợ là 88.000.000 đồng do chị đã trừ số tiền lãi mà chị H1 đã đóng là 12.000.000 đồng vào số tiền vay 100.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay còn nợ, chị yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc tại phiên tòa chị H thay đổi yêu cầu như nêu trên là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại các Điều 5, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị H yêu cầu chị H1 có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 88.000.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định giữa chị H và chị H1 thực tế có phát sinh giao dịch vay tài sản. Cụ thể: Ngày 20/7/2020 âm lịch, chị H có cho chị H1 vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng đóng 6.000.000 đồng tiền lãi, không thỏa thuận cụ thể thời gian trả mà khi nào chị H cần lấy lại tiền thì báo trước cho chị H1 một tháng, các bên có lập biên nhận. Sau đó, chị H1 đóng được 02 tháng tiền lãi với số tiền 12.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa. Chị H đã nhiều lần đến gặp chị H1 để yêu cầu chị trả tiền nhưng chị H1 không trả.

Tại phiên tòa, chị H1 thừa nhận có nợ chị H số tiền là 100.000.000 đồng, chị đồng ý trả số tiền vay còn nợ là 88.000.000 đồng như chị H yêu cầu nhưng do hoàn

cảnh khó khăn chị xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Việc chị H1 thừa nhận có nợ chị H số tiền như nêu trên là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, việc chị H yêu cầu chị H1 phải trả số tiền vay còn nợ là 88.000.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ do chị H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà các bên đã thỏa thuận, yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định tại 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, chị H1 trình bày do hoàn cảnh khó khăn chị xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy do chị H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà các bên đã thỏa thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, việc chị H1 xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ là không có căn cứ, làm ảnh hưởng quyền lợi của chị H nên không được chấp nhận

Về yêu cầu tính lãi: Do chị H không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị đơn chị Đoàn Thị Lệ H1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật .

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 5, khoản 2 Điều 71, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Buộc chị Đoàn Thị Lệ H1 phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 88.000.000 *(Tám mươi tám triệu đồng).* Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản

tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 3.413.000 đồng theo biên lai số 0028080 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Đoàn Thị Lệ H1 phải chịu 4.400.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Duy Linh

Nơi nhận:
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.